

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu:
Mua sắm hàng hoá thực hiện mô hình khuyến nông năm 2021**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo số 178/BC-STC ngày 11/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm hàng hoá thực hiện mô hình khuyến nông năm 2021 với các nội dung sau:

I. Dự toán kinh phí: 2.489.337.200đ (Hai tỷ, bốn trăm tám mươi chín triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm đồng).

(Danh mục, dự toán chi tiết theo biểu 01 đính kèm)

II. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

(Chi tiết theo biểu 02 đính kèm)

Điều 2. Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bắc Giang có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; KBNN tỉnh; Trung tâm Khuyến nông tỉnh; các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
- + LĐVP, TPKTTH, TH;
- + Lưu: VT, KTTH.Hài.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Thế Tuấn

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, DỰ TOÁN KINH PHÍ MUA SẴM
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Tên hàng hóa | ĐVT | Đặc tính - Thông số kỹ thuật | Số lượng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|------------|---|-----|--|----------|---------------|--------------------|
| I | Gói 1: Mua con giống và thức ăn công nghiệp thực hiện các mô hình khuyến ngư | | | | | |
| 1 | Giống cá trắm cỏ | con | Trọng lượng: 300-400g/con. Con giống kích thước đồng đều, bơi lội hoạt bát, không dịch bệnh, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và được sản xuất từ các cơ sở sản xuất kinh doanh có uy tín. | 14.000 | 18.000 | 252.000.000 |
| 2 | Thức ăn dùng cho cá trắm cỏ | kg | Viên nổi có hàm lượng protein thô \geq 28%, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất đã được công bố chất lượng | 15.120 | 17.400 | 263.088.000 |
| 3 | Giống cá rô phi đơn tính | con | Kích thước: 5-6cm/con Giống cá rô phi chất lượng cao, tỷ lệ cá đực > 95%. Con giống kích thước đồng đều, bơi lội hoạt bát, không dịch bệnh, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và được sản xuất từ các cơ sở sản xuất kinh doanh có uy tín. | 30.000 | 1.500 | 45.000.000 |
| 4 | Thức ăn dùng cho cá rô phi đơn tính | kg | Viên nổi có hàm lượng protein thô \geq 26%, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất đã được công bố chất lượng | 14.040 | 16.500 | 231.660.000 |
| | Tổng giá trị | | | | | 791.748.000 |
| II | Gói 2: Mua lợn giống Duroc và thức ăn hỗn hợp cho lợn | | | | | |
| 1 | Lợn giống Duroc (80 con) | kg | Trọng lượng \geq 10kg/con. Con giống được tiêm phòng các bệnh theo giai đoạn, lợn giống khỏe mạnh không bị bệnh, không dị tật. | 800 | 32.7000 | 261.600.000 |
| 2 | Thức ăn hỗn hợp | kg | Thức ăn công nghiệp cho lợn giai đoạn từ 10 kg đến xuất chuồng. Thành phần thức ăn không sử dụng danh mục chất cấm trong chăn nuôi. Hàm lượng Protein thô 16%-18%. Quy cách đóng bao 25kg/bao | 9.000 | 15.400 | 138.600.000 |
| | Tổng giá trị | | | | | 400.200.000 |
| III | Gói 3: Mua gà giống Mía lai, chọi lai và thức ăn hỗn hợp cho gà | | | | | |
| 1 | Gà giống Mía lai, chọi lai | Con | Con giống đều khỏe mạnh, nhanh nhẹn, không dị tật, đã tiêm phòng vacxin Marek 01 ngày tuổi. Con giống được phép sản xuất kinh doanh theo quy định. | 8.000 | 12.000 | 96.000.000 |
| 2 | Thức ăn hỗn hợp cho gà | Kg | Thức ăn công nghiệp cho gà từ 0-4 tuần tuổi Thành phần thức ăn không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi. Protein: \geq 20% Quy cách đóng gói: 25 kg/bao | 2.800 | 15.000 | 42.000.000 |
| 3 | Thức ăn hỗn hợp cho gà | Kg | Thức ăn công nghiệp cho gà từ 04 tuần tuổi đến xuất chuồng. Thành phần thức ăn không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi. Protein: \geq 17% Quy cách đóng gói: 25 kg/bao | 16.000 | 14.000 | 224.000.000 |
| | Tổng giá trị | | | | | 362.000.000 |
| IV | Gói 4: Mua Giống keo lai mô dòng AH1 | | | | | |
| 1 | Giống keo lai mô dòng AH1 | Cây | Sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô. Tuổi cây \geq 02 tháng, đường kính cổ rễ \geq 3 mm, chiều cao vút ngọn \geq 25 cm, quy cách bầu tối thiểu 4,0 cm -10,0 cm. Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe và không có biểu hiện bị sâu bệnh, có từ 10-15 lá. | 52.041 | 3.200 | 166.531.200 |
| | Tổng giá trị | | | | | 166.531.200 |

| V Gói 5: Mua Giống hoa lan Dendro và giống hoa lan Vũ nữ | | | | | | |
|---|--------------------------|-----|---|--------|--------|----------------------|
| 1 | Giống hoa lan Dendro | Giò | Sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô. Tuổi cây giống >= 1,5 tuổi, chiều cao 20- 25 cm, mỗi giò 3-4 thân. Cây sinh trưởng, phát triển tốt, cây không bị sâu bệnh, không dập nát. Đảm bảo đúng giống, tỷ lệ giống sau trồng đạt >90% | 2.685 | 52.000 | 139.620.000 |
| 2 | Giống hoa lan Vũ nữ | Giò | Sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô. Tuổi cây giống >= 1,5 tuổi, chiều cao 20- 25 cm, mỗi giò 3-4 thân. Cây sinh trưởng, phát triển tốt, cây không bị sâu bệnh, không dập nát. Đảm bảo đúng giống, tỷ lệ giống sau trồng đạt >90% | 1.575 | 58.000 | 91.350.000 |
| Tổng giá trị | | | | | | 230.970.000 |
| VI Gói 6: Mua phân bón hữu cơ sinh học, phân NPK 5.10.3 | | | | | | |
| 1 | Phân bón hữu cơ sinh học | kg | Phân bón hữu cơ sinh học chất lượng cao; đạt tiêu chuẩn theo quy chuẩn chất lượng phân bón QCVN01-189-2019/BNNPTNT. Phân bón có độ đồng đều cao, không vón cục, không chảy nước. Phân bón có hàm lượng chất hữu cơ > =38%, hàm lượng axit humic hoặc hàm lượng axit fulvic hoặc tổng hàm lượng axit humic, axit fulvic >=2%; pH _{H2O} : 5,0; Độ ẩm 30% | 40.950 | 12.000 | 491.400.000 |
| 2 | Phân NPK 5.10.3 | kg | Sản xuất theo TCCS: 52:2020/SPLT.PT. Nts: 5%; P2O5hh 10%; K2Ohh 3%; S: 8%; độ ẩm 5% | 6.623 | 6.000 | 39.738.000 |
| 3 | Phân Kaly hữu cơ | kg | K2O: 14%; CaO: 17,5%; MgO: 5,65%; S: 19% Quy cách đóng gói: 50 kg/bao | 900 | 7.500 | 6.750.000 |
| Tổng giá trị | | | | | | 537.888.000 |
| Dự toán kinh phí (I+II+III+IV+V+VI) | | | | | | 2.489.337.200 |

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Tên gói thầu | Giá gói thầu (VNĐ) | Nguồn vốn (VNĐ) | | Hình thức LCNT | Phương thức LCNT | Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng |
|-----|--|--------------------|--------------------|---------------------------|--------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|--|
| | | | Ngân sách nhà nước | Vốn đối ứng của người dân | | | | | |
| 1 | Gói thầu số 1: Mua con giống và thức ăn công nghiệp thực hiện các mô hình khuyến ngư | 791.748.000 | 702.648.000 | 89.100.000 | Chào hàng cạnh tranh, qua mạng | Một giai đoạn, một túi hồ sơ | Tháng 6/2021 | Hợp đồng trọn gói | 90 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |
| 2 | Gói thầu số 2: Mua lợn giống Duroc và thức ăn hỗn hợp cho lợn | 400.200.000 | 321.720.000 | 78.480.000 | | | | | |
| 3 | Gói thầu số 3: Mua gà giống Mía lai, chọi lai và thức ăn hỗn hợp cho gà | 362.000.000 | 333.200.000 | 28.800.000 | | | Tháng 7/2021 | | |
| 4 | Gói thầu số 4: Giống keo lai mô dòng AH1 | 166.531.200 | 166.531.200 | 0 | | | Tháng 6/2021 | | |
| 5 | Gói thầu số 5: Giống hoa lan Dendro và giống hoa lan Vũ nữ | 230.970.000 | 161.679.000 | 69.291.000 | | | | | |
| 6 | Gói thầu số 6: Mua phân bón hữu cơ sinh học, phân NPK 5.10.3 và phân Kaly hữu cơ | 537.888.000 | 537.888.000 | 0 | | | | | |